**Mẫu số 14: Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……../GP-BNNMT | *Địa danh, ngày …. tháng ….. năm …..* |

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(CẤP LẠI)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số ……/2025/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số ……./2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ……./QĐ-TTg ngày … tháng … năm … của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch ………….;*

*Căn cứ Thông tư số ……/2025/TT-BNNMT ngày … tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về ………………..;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số …….. ngày ... tháng ... năm ... của*….. (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)…… *cấp cho .........(tên tổ chức, cá nhân)………;*

*Căn cứ Công văn số……. ngày….. tháng….. năm…… của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)…...;*

*Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản của ………(tên tổ chức, cá nhân)………. ngày …..tháng ….. năm ….. nộp tại ………..;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Cho phép ***………(Tên tổ chức, cá nhân)……….***được tiếp tục thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản: .................................................................................

2. Vị trí khu vực thăm dò: ……, ……(*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)……;

3. Diện tích khu vực thăm dò:…….. (ha, km2) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II(37) của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức ...... m đến mức...... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số …/GP-… ngày … tháng … năm … do …*(tên cơ quan cấp phép)*… cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số … ngày … do ……(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)…… thành lập.

6. Thời gian thăm dò: ……… tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 2. *………… (Tên tổ chức, cá nhân)…………***có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

**Điều 3.**Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tổ chức, cá nhân (bản chính); - Cơ quan cấp phép (bản chính); - Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính); - UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao); - Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao); - Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao). | **BỘ TRƯỞNG** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(37) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG -------** | Phụ lục I |

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) số   /GP-BNNMT ngày   tháng   năm   của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm góc** | **Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục … múi chiếu 60)* | |
| X (m) | Y (m) |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| ... |  |  |
| n |  |  |
| **Diện tích: ...... ha** | | |